

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 16/10/2019

“V/v: Tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiệu Huy

Ông Nguyễn Đăng Thiệu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương Y, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

- Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1988

Nơi cư trú: xã A, huyện T, tỉnh V, vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện M, thành phố H

Nơi ở hiện nay: Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y, anh K, chị A: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2019)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh V, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019; các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương Y trình bày:

Về mối quan hệ gia đình: bà là vợ của ông Nguyễn Văn Th (ông Th đã chết năm 2018), là chị dâu của ông Nguyễn Duy T (ông T là em trai ông Th).

Về nguồn gốc thửa đất số 64, tờ bản đồ 25 tại thôn Đ, xã T: Năm 1993, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Kim Q là người cùng thôn Đ, xã T, diện tích lúc nhận chuyển nhượng là khoảng 200m². Đến năm 1997-1998, ông T cũng nhận chuyển nhượng phần đất còn lại của anh Trần Kim T1 giáp với thửa đất của gia đình bà. Năm 1998, vợ chồng bà được UBND huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích là 206m², thửa đất số 64, tờ bản đồ số 25, tại thôn Đ, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, mang tên ông Nguyễn Văn Th. Chiều dài các cạnh bà không nhớ rõ.

Quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà có xây dựng tường rào tiếp giáp với thửa đất của ông T, nhưng bức tường được xây rất thấp. Đến trước thời điểm xảy ra tranh chấp với gia đình ông T vào năm 2004, vợ chồng bà có xây cổng và hai trụ cổng cùng xây thêm vào bức tường bao loan cũ cho cao hơn nhưng đến khi ông T làm nhà và các công trình phụ giáp với tường bao loan thì ông T đã đập bỏ một phần bức tường. Do vậy, vợ chồng bà lại xây tiếp một bức tường giáp với bức tường cũ. Ông T cho rằng vợ chồng bà đã xây lấn chiếm sang một phần đất của gia đình ông nên ông T đã có đơn đề nghị UBND xã T giải quyết tranh chấp mốc giới

thổ cư. Đến ngày 12/8/2004, UBND xã T tiến hành giải quyết, hòa giải và theo biên bản xác minh ranh giới – hòa giải thì hộ ông Nguyễn Duy T và gia đình bà đã thống nhất và giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai hộ có các chiều tiếp giáp đất nhau được thể hiện trong biên bản ngày 12/8/2004.

Sau khi địa phương hòa giải, hai bên không có tranh chấp gì nữa. Đến tháng 9/2013, ông T lại có đơn đề nghị UBND xã T giải quyết lại ranh giới đất thổ cư giáp diện tích đất của gia đình bà. UBND xã T đã ra Thông báo số 12/TB-UBND ngày 07/10/2013, trả lời đơn của ông T với nội dung là không giải quyết nữa vì nội dung đơn của ông T đã được giải quyết và hai bên đã thống nhất ở biên bản ngày 12/8/2004. Thông báo cũng chỉ rõ diện tích đất của hộ ông T không bị thiếu, đồng thời yêu cầu hộ ông T và gia đình bà cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất đã được giải quyết theo biên bản ngày 12/8/2004. Kể từ năm 2004 cho đến nay, hiện trạng tường rào xây ngăn giữa thửa đất của gia đình bà với gia đình ông T không được xây dựng thêm hoặc sửa chữa thêm gì và bức tường hiện nay đang tranh chấp là của gia đình bà xây dựng. Đến tháng 5/2018, ông Th (chồng bà) bị bệnh qua đời. Đến tháng 12/2018, bà đã phải chuyển nhượng một phần đất cho chị Hà Thị H (cùng thôn), nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng, đo tách đất cho chị H thì ông T ra ngăn cản và không cho đo đạc, ông T cho rằng toàn bộ hai bức tường bao loan mà gia đình bà xây giáp ranh với thửa đất nhà ông T là xây trên đất của ông Thuận nên ông T không cho đo để tách trả đất cho chị H. Lý do bà khởi kiện ông T là do ông T không đồng ý cho đo đất và ký hộ giáp ranh để bà sang tên cho người mua đất.

Nay bà Y xác định ông T đang sử dụng đất của gia đình bà, cụ thể: chiều rộng là 0.26m (tính từ từ tâm trụ cổng đến phần mép ngoài trụ cổng, phần tiếp giáp với đất của gia đình ông T), chiều dài là 15.8m (tính từ mép ngoài trụ cổng, phần giáp với QL2C kéo vào 15.8m đến đoạn tường thẳng không tranh chấp). Quá trình làm việc bà xác định là 4.1m². Tại phiên tòa bà Y không xác định được diện tích lần chiếm cụ thể là bao nhiêu, nhưng bà Y xác định là ông T có lần chiếm đất của gia đình bà và bà đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả lại diện tích đất đã lần chiếm cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Nguyễn Thị D Thúy vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2019, bị đơn là ông Nguyễn Duy T trình bày: ông là em trai của ông Nguyễn Văn Th (ông Th là chồng của bà Y), là chồng của bà H, là bố của chị V, chị T.

Nguồn gốc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 25, diện tích 201m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 06/2002, mang tên hộ ông Nguyễn Duy T là do vợ chồng ông mua lại của vợ chồng anh T1 – T2 vào năm 1999. Quá trình sử dụng ổn định. Thửa đất có phía Bắc giáp đất nhà ông Th - Y ranh giới là một đường kéo thẳng; phía Tây giáp quốc lộ 2C, phía Đông giáp đường dân sinh; phía Nam giáp lối đi vào thửa đất nhà ông B. Khoảng năm 2002, gia đình bà Y xây nhà có phá tường rào cũ (một phần) giáp với thửa đất của gia đình ông để mở lối đi, để nhờ vật liệu và ở nhờ nhà ông trong quá trình xây nhà. Sau khi xây nhà xong, vợ chồng bà Y xây lại tường rào không như hiện trạng ban đầu mà xây thành những đường gấp khúc, lấn sang đất nhà ông và hai bên xảy ra tranh chấp từ năm 2004. Sự việc này đã được UBND xã T giải quyết, hai bên thống nhất giữ nguyên hiện trạng như trong bản đồ 299 thể hiện. Tính đến thời điểm hiện nay, bờ tường từ nhà ông B đến cây khế (khoảng 10m) gia đình bà Y đã xây thẳng, đúng như trong bản đồ 299 thể hiện, còn từ cây khế đến trụ cổng giáp quốc lộ 2C, gia đình bà Y xây lấn sang đất nhà ông dài khoảng 10m, rộng khoảng 80cm. Ông đã yêu cầu bà Y tháo dỡ tường rào để trả lại đất cho gia đình ông nhưng bà Y không chấp hành. Nay bà Y khởi kiện cho rằng ông lấn chiếm là không có căn cứ, ông xác định bà Y còn lấn chiếm đất của gia đình ông, nhưng ông không có yêu cầu phản tố.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng tại Biên bản lấy lấy khởi khai ngày 12/7/2019, bà H cũng thể hiện quan điểm là nhất trí với ý kiến của ông T, không có yêu cầu, bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Diệu T và Nguyễn Thị Hồng V (con gái ông T- bà Y) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, anh K, chị A, chị Y là ông Trần Quang Đ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H, chị V, chị T chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật Dân sự ; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương Y.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Hương Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy T phải trả cho bà diện tích đất đã lấn chiếm của bà. Quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thôn Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, cho nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự. Các đương sự đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Nguyễn Thị Diệu T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã gửi giấy thông báo, giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự biết. Tòa án đã trực tiếp xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân xã T thì đều xác định: ông T, bà H, chị V, chị T vẫn có mặt ở địa phương.

Tại phiên tòa ông T, bà H, chị T, chị V vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã được Tòa án gửi giấy báo, giấy triệu tập hợp lệ. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, của anh K, chị A, chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc thửa đất số 64, tờ bản đồ 25 là của ông Trần Hải Định (đã chết) để lại cho các con là Trần Kim Q và Trần Kim T1 (đã chết năm 2000). Sau đó ông Q bán lại cho vợ chồng ông Th - Y sử dụng từ năm 1993. Đến năm 1998, được UBND huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Th, diện tích 206m². Đến năm 1999, ông T1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông T – H và năm 2002, được Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Duy T, diện tích

201m² (cùng sổ thửa, tờ bản đồ với diện tích đất của ông Th - Y). Vợ chồng ông Th - Y và vợ chồng ông T – H sử dụng ổn định cho đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: ông T cho rằng vợ chồng ông Th - Y xây tường rào lấn chiếm đất của gia đình ông và làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết. Ngày 12/8/2004, Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành xác minh ranh giới thổ cư, hòa giải, giải quyết giữa hai bên và đi đến thống nhất: *“Hai hộ thống nhất giữ nguyên hiện trạng đã xây dựng”* (bút lục số 10).

Đến năm 2013, ông T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xác định ranh giới thổ cư giáp với hộ ông Nguyễn Văn T. Ủy ban nhân dân xã T trả lời bằng Thông báo số 12/TB-UBND ngày 07/10/2013:

“... Ranh giới thổ cư giữa hộ ông T và hộ ông Th đã rõ ràng, đã có tường rào xây gạch của hộ ông Th dọc toàn cội từ năm 2004.

Qua kiểm tra của cán bộ Địa chính xã ngày 02/10/2013, hiện tại dọc cội giữa 2 hộ, ông Th không xây dựng thêm gì, bờ rào xây cũ vẫn còn nguyên trạng.

Nội dung đơn ông T đề nghị UBND xã đã tổ chức hòa giải năm 2004, đã có văn bản thống nhất giữa các bên giữ nguyên hiện trạng sử dụng...do vậy, UBND xã T không giải quyết nữa ...”

Từ năm 2013 đến tháng 12/2018, các bên sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp. Nguyên nhân bà Y khởi kiện ra Tòa án là do bà Y chuyển nhượng đất cho chị H, nhưng ông T không đồng ý cho đo đất và cho rằng gia đình bà Y lấn chiếm đất của gia đình ông.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Y cho rằng ông T lấn chiếm đất của bà chiều rộng là 0.26m, chiều dài là 15.8m (tính từ tâm trụ cổng đến phần mép ngoài trụ cổng là 0.26m kéo dài 15.8m đến đoạn tường thẳng các bên không tranh chấp) và buộc ông T trả lại cho bà diện tích là 4.1m², Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối chiếu giữa bản đồ 229, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 64, tờ bản đồ 25 (nay theo bản đồ VN 2000 là thửa 408, tờ bản đồ 43) và hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà Y đang sử dụng thì:

- Theo bản đồ 299, thửa đất có chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Tây giáp đường Quốc lộ 2C dài 9m; phía Đông giáp thổ cư của anh Nguyễn Văn N dài 11m; phía Bắc giáp thổ cư của anh Trần Văn H dài 23m; phía Nam giáp thổ cư của anh Nguyễn Duy T dài 20m. Diện tích 206m².

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp diện tích là 206m².

- Theo biên bản đo hiện trạng ngày 31/7/2019: gia đình bà Y đang sử dụng thửa đất (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH MTV đo đạc và thiết kế xây dựng Đồng Tâm đo) có chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Tây giáp đường Quốc

lộ 2C dài 9.04m (điểm Y1-1) + 0.26m (1-Y8); phía Đông giáp thổ cư của anh Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn N có các điểm từ Y2-Y3 là 2.1m, Y3-Y4 là 6.5m, Y4-Y5 là 2.7m; phía Bắc giáp thổ cư của anh Trần Văn H dài 23,23m (điểm Y1-Y2); phía Nam giáp thổ cư của anh Nguyễn Duy T có các điểm 1-2 là 9.28m, 2-Y6 là 6.21m, Y6-Y5 là 6.15m. Tổng diện tích gia đình bà Y đang sử dụng là 228.4m². Kéo một đường theo yêu cầu khởi kiện của bà Y thì hình được tạo ra là hai hình tam giác: hình 1 là các điểm 1-Y8-Y7 diện tích là 0.5m², trong đó phần quán ông T xây vào là 0.2m²; hình 2 là các điểm Y7-2-Y6 diện tích là 1.7m², trong đó thể hiện là phần tường rào của nhà bà Y xây dựng.

(Có sơ đồ kèm theo)

Mặc dù tại quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T vắng mặt, Tòa án không thể tiến hành hòa giải, đối chất giữa các bên, nhưng bản thân bà Y trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa đều khẳng định toàn bộ tường rào xây giáp với thửa đất của hộ ông Nguyễn Duy T là của gia đình bà xây dựng từ năm 2004 và từ đó đến nay gia đình bà không xây dựng thêm gì và gia đình ông T cũng không phá dỡ bức tường đó để xây lấn sang đất của gia đình bà, dù bà cho rằng giữa bức tường hiện nay và thửa đất của gia đình ông T còn một bức tường nữa thì bản thân bà cũng thừa nhận năm 2004, gia đình bà đã tự xây bức tường hiện nay và hai bên đã đi đến thống nhất giữ nguyên hiện trạng xây dựng theo Biên bản ngày 12/8/2004 do Ủy ban nhân dân xã T lập và thực tế thửa đất của gia đình bà Y đang sử dụng cũng không bị thiếu so với bản đồ 299, giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp. Hơn nữa, từ năm 2004 cho đến nay mốc giới giữa hai hộ đã sử dụng ổn định nên cần tôn trọng thỏa thuận năm 2004 của các bên, các bên giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng. Do vậy, việc bà Y khởi kiện như trên là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá và xem xét tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá và xem xét tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương Y.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hương Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004968 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga